

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Lý.
2. Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Sơn Minh T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021, bà Lý Thị Đ trình bày: Bà và ông T tự nguyện chung sống và có con chung, đến ngày 21/3/2016 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2016. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn nên đã ly thân từ năm 2017, con chung là Sơn Thị Xuân T, sinh ngày 28/12/2011 sống với bà. Bà yêu cầu ly hôn với ông T, yêu cầu

nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Sơn Minh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai của bị đơn nên đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 104/TB-TLVA ngày 05/4/2021; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 205/TB-TA ngày 08/4/2021 và số 316/TB-TA ngày 10/6/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐ-HNGĐ ngày 26/10/2021. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì với Trưởng ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng xác định: Ông Sơn Minh T và bà Lý Thị Đ là vợ chồng, có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông T, giao con chung là Sơn Thị Xuân T cho bà Đ nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đ và ông T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2016 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*", như vậy bà Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng qua xác minh cuộc sống hôn nhân của bà Đ và ông T không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Bà Đ không có văn bản rút lại yêu cầu khởi kiện, ông T không có ý kiến đối với vấn đề hôn nhân của mình và hiện vợ chồng không còn sống chung nên thấy

mục đích hôn nhân không thành, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Đ và ông T có một người con chung là Sơn Thị Xuân T, sinh ngày 28/12/2011 hiện đang sống chung với bà Đ. Xét thấy, cháu T do bà Đ và mẹ ruột chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi cha mẹ ly thân và có yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho bà Đ trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Đ không yêu cầu và Tòa án không ghi được ý kiến tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Lý Thị Đ phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lý Thị Đ được ly hôn với ông Sơn Minh T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Sơn Thị Xuân T, sinh ngày 28/12/2011 cho bà Lý Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Sơn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.
3. Tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
5. Về án phí: Nguyên đơn bà Lý Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008329 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà Đ đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai